

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ LỰC CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN

ThS. Quách Nguyễn Trung Hiếu¹

Tóm tắt: Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi tiến hành đánh giá công tác giáo dục thể chất và thể lực sinh viên Học viện An ninh nhân dân theo tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của Bộ Công an thông qua sử dụng phương pháp: Phỏng vấn, kiểm tra sự phạm, thực nghiệm sự phạm, kiểm tra y học, toán học thống kê. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để lựa chọn các giải pháp nâng cao thể lực cho sinh viên năm thứ nhất Học viện An ninh nhân dân.

Từ khoá: Sinh viên, Học viện An ninh nhân dân, kết quả học tập, thể lực.

Summary: During the research, we assessed the physical education and fitness of students at the People's Security Academy based on the physical training standards of the Ministry of Public Security, using methods such as interviews, pedagogical testing, pedagogical experimentation, medical examination, and statistical analysis. The research results provide a basis for selection solutions to improve the physical fitness of first-year students at the People's Security Academy.

Keywords: Students, People's Security Academy, Study results, Physical fitness.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác Giáo dục thể chất (GDTC) và hoạt động Thể dục thể thao (TDTT) trong Học viện An ninh nhân dân (HVANND) có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt đối với việc đào tạo đội ngũ cán bộ chiến sĩ. Trong tình hình hiện nay là lực lượng vũ trang yêu cầu về thể lực ngày càng cao hơn để luôn sẵn sàng đảm nhiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Trong những năm qua Khoa Quân sự Võ thuật - TDTT của HVANND đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong công tác giảng dạy và huấn luyện TDTT. Hàng năm, học viên tốt nghiệp ra trường đã có thể lực và kỹ năng vận động cơ bản tương đối đáp ứng được yêu cầu thực tế. Tuy nhiên nghiêm túc nhìn nhận công tác giảng dạy môn GDTC ở HVANND vẫn còn một số tồn tại và hạn chế dẫn tới hiệu quả công tác GDTC chưa thực sự cao. Chính vì vậy, việc đánh giá thực trạng công tác GDTC của nhà trường để từ đó có biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động TDTT nhà trường là cần thiết.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các

phương pháp sau: phân tích và tổng hợp, phỏng vấn, quan sát sự phạm, kiểm tra sự phạm và phương pháp toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy TDTT của HVANND

Trong quá trình xây dựng và phát triển của HVANND, đội ngũ giáo viên TDTT của Học viện không ngừng được phát triển ngày càng cao về số lượng và chất lượng. Trình độ chuyên môn cũng như trình độ về chính trị ngày càng được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu hiện tại, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện. Thực trạng đội ngũ giáo viên của HVANND được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 chúng tôi nhận thấy: Số giáo viên trẻ chiếm đa số. Đây là một tiềm năng đóng góp to lớn cho việc thực hiện các nhiệm vụ GDTC trong Học viện: Giảng dạy, tổ chức tập luyện và huấn luyện các đội tuyển, chỉ đạo phong trào, tổ chức và trọng tài các giải thể thao của học viên trong trường.

2.2. Thực trạng về nhận thức của cán bộ, giáo viên, học viên về GDTC

Để hiểu rõ thực trạng chúng tôi tiến hành điều

Bảng 1. Thực trạng đội ngũ cán bộ giáo viên giảng dạy GDTC

	Giới tính		Trình độ		Chức danh		Tuổi đời	
	Nam	Nữ	Đại học	Thạc sĩ	Thỉnh giảng	Giảng viên	> 40	< 40
Số lượng	16	07	05	18	0	23	08	15
Tỷ lệ %	69.6	30.4	21.7	78.3	0	100	34.8	65.2

Bảng 2. Thực trạng về nhận thức và thực tế tập luyện GDTC của các đối tượng ở HVANND

Đối tượng	Nhận thức đối với tập luyện				Thực tế tham gia tập luyện thường xuyên			
	Đúng đắn	Tỷ lệ %	Chưa đầy đủ	Tỷ lệ %	Thường xuyên	Tỷ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỷ lệ %
SV	123/250	49.20	127/258	50.80	69/250	27.60	65/250	26.60
GV	69/321	21.49	89/321	27.72	32/321	9.96	89/321	27.27
CB Q. lý	19/42	45.23	11/42	26.19	8/42	19.04	4/42	9.52

tra hiện trạng, nhận thức và thực tế tập luyện GDTC của các đối tượng thuộc HVANND, chúng tôi tiến hành phỏng vấn các đối tượng có liên quan đến công tác GDTC của Học viện. Kết quả thực trạng được trình bày ở bảng 2.

Qua bảng 2 chúng tôi nhận thấy: về nhận thức đối với lợi ích, tác dụng và vai trò của TDTT đối với việc nâng cao thể chất cho con người, nhận thức của học viên phần đông là yêu thích tập luyện do có nhận thức đúng đắn (49.20%) song học viên nói chung có tỷ lệ tập luyện ít (50.80% là do không có thời gian và thiếu sân tập. Ngoài ra còn có một tỷ lệ giáo viên và cán bộ quản lý cũng chưa có nhận thức đầy đủ (27.72%; 26.19%).

2.3. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập môn GDTC của HVANND

Kết quả khảo sát thực trạng về cơ sở vật chất được trình bày ở bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: Cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy và học tập mặc dù đã được Đảng ủy, Ban giám hiệu Học viện quan tâm đầu tư và nâng cấp một số công trình. Nhưng với số lượng sinh trong toàn trường hiện nay luôn ổn định trên

1.000 học viên. Với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường như hiện nay đã có thể đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học của giáo viên và học viên, mặc dù vậy cần phải được qui hoạch và đưa vào sử dụng một cách khoa học để đạt được hiệu quả tốt nhất.

2.4. Thực trạng dạy và học môn GDTC

HVANND là trường đào tạo đa ngành, nhiều năm qua nhà trường đã thực hiện nghiêm túc chương trình môn GDTC do Bộ GD & ĐT tạo ban hành theo quyết định số 1262/ GD - ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình được chúng tôi trình bày tóm tắt trong bảng 4.

Qua bảng 4 ta có thể nhận thấy: Chương trình môn học GDTC còn nặng về thực hành. Tỷ lệ tiết thực hành chiếm tới 92%, tỉ lệ tiết lý thuyết chỉ đạt 8%, mà trong học kỳ 3 có thi kiểm tra đánh giá kết quả nội dung lý thuyết. Nội dung, phương pháp, tổ chức quá trình giảng dạy chưa đáp ứng được nhiệm vụ, yêu cầu của công tác GDTC cho học viên. Quá trình giảng dạy mới dừng ở việc trang bị kiến thức và kĩ năng thực hành ở một số môn thể thao, chưa chú trọng đến việc nâng cao ý thức tự giác tập luyện, nhận thức đúng đắn về vai trò của TDTT trong việc

Bảng 3. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC ở HVANND

TT	Sân bãi - dụng cụ	Số lượng	Chất lượng					
			Tốt	%	Trung bình	%	Kém	%
1	Nhà tập thể thao	02	02	100				
2	Sân bóng chuyền	03			01	100		
3	Sân bóng đá	02	01	100	01			
4	Sân cầu lông	04	04	100				
5	Bàn bóng bàn	04	02	50	02	50		
6	Xà đơn	04	04	100				
7	Xà kép	02					04	100
8	Xà lệch	01					01	100
9	Đường chạy 100m	08			08	100		
10	Đệm nhảy cao	01			01	100		
11	Hố nhảy xa	01					01	100
12	Khu vực đẩy tạ	01					01	100
13	Sân bóng rổ	01			01	100		

củng cố và nâng cao sức khoẻ còn hạn chế, chính sách động viên đội ngũ giáo viên tổ chức các hoạt động ngoại khoá cho học viên còn nhiều bất cập.

2.5. Thực trạng thể lực của học viên năm thứ nhất
Kết quả học tập môn GDTC của học viên HVANND (số liệu năm học 2017 - 2018) được trình

Bảng 4. Tóm tắt chương trình môn GDTC của HVANND

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Thi
Học phần I		26	2	22	2
1	Lịch sử phát triển TDTT, nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly TB		02		
2	Đội hình đội ngũ; Chạy cự ly TB			22	
3	Thi kết thúc học phần I				02
Học phần II		26	02	22	02
1	Thể dục thể thao với lao động nghỉ ngơi		02		
2	Các bài thể dục tay không; sử dụng với dụng cụ - Bài thể dục tay không và thể dục với dụng cụ. - Bài thể dục phát triển chung 1, 2, 3 và thể dục với gậy (Nam); Bài thể dục với bục, vòng số 2 (Nữ)			22	
3	Thi kết thúc học phần II				02
Học phần III		26	02	22	02
1	Thể dục nghề nghiệp		02		
2	Chạy cự ly ngắn và nhảy xa kiểu uốn thân			22	
3	Thi kết thúc học phần III				02
Học phần IV+ V (Nội dung tự chọn)		52	06	44	02
Lý thuyết (Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ)					
	Lý thuyết chuyên môn về môn học (bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ). Luật, phương pháp tập luyện, thi đấu và trọng tài.		06		
1	Bóng chuyền				
	- Kỹ thuật chuyền bóng			06	
	- Kỹ thuật đệm bóng			06	
	- Kỹ thuật phát bóng (cao tay, thấp tay)			06	
	- Thi đấu + thể lực			02	
2	Bóng rổ				
	- Kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng 2 tay trước ngực.			04	
	- Kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng 2 tay trên cao			04	
	- Kỹ thuật dẫn bóng			02	
	- Kỹ thuật 2 bước lên rổ bằng 1 tay trên cao			06	
	- Kỹ thuật tại chỗ ném rổ			02	
	- Thi đấu + thể lực			02	
3	Bóng đá				
	- Kỹ thuật dẫn bóng			02	
	- Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân			02	
	- Kỹ thuật đá bóng bằng mu bàn chân (chính diện, mu trong, má ngoài)			08	
	- Dẫn bóng và sút bóng cầu môn			02	
	- Sút bóng cầu môn bằng các dạng kỹ thuật cơ bản			02	
	- Thi đấu + thể lực			04	
	Thi kết thúc học phần IV + V				02

Bảng 5. Kết quả học tập môn GDTC của 250 học viên khóa 2017- 2018 (n = 250)

Khoá học	Giỏi		Khá		Đạt		Không đạt	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Năm 2017 -2018	29	11.6	46	18.4	112	44.8	63	25.2

Bảng 6. Kết quả kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể năm học 2017- 2018 tại HVANND

Năm học	Giới tính	Giỏi		Khá		Đạt		Không đạt	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Nam 168 SV	11	6.5	26	10.4	89	35.6	42	16.8
	Nữ 82 SV	9	10.9	12	14.6	21	25.6	40	48.7

Bảng 6. Kết quả phỏng vấn về nhận thức của học viên với công tác GDTC và phong trào TDTT của học viên năm thứ nhất HVANND

TT	Nội dung phỏng vấn	Năm thứ 1 (n= 250)	
		n	%
1	Động cơ tập luyện TDTT		
	Ham thích	145	58.1
	Nhận thấy tác dụng của RLTT	32	12.8
	Bắt buộc.	65	26.1
	Không có điều kiện.	8	3.2
2	Đánh giá giờ học nội khoá		
	Cung cấp kiến thức về TDTT	220	88.1
	Trang bị kỹ thuật môn thể thao	167	66.8
	Nâng cao được sức khỏe	215	86.1
	Giờ học sôi động	140	56.1
	Giờ học khô khan	90	36.1
	Không đủ sân bãi dụng cụ	56	22.4
3	Số sinh viên tập luyện ngoại khoá		
	Thường xuyên	110	44.1
	Thỉnh thoảng	123	49
	Không tập	98	39.2
4	Yếu tố ảnh hưởng đến giờ học GDTC chính khoá		
	Do điều kiện sân bãi	130	52
	Nhận thức về TDTT	143	57.2
	dụng cụ tập Thiếu luyện	89	35.6
	Không đủ trang bị giày, quần áo	78	31.2
5	Yếu tố ảnh hưởng tập luyện ngoại khoá		
	Không có giáo viên hướng dẫn	160	64
	Không có thời gian	89	35.6
	Không có đủ điều kiện sân bãi, dụng cụ	98	39.2
	Không được bạn bè ủng hộ	119	47.6
	Không ham thích môn thể thao nào	45	18
6	Nhu cầu tham gia tập luyện CLB		
	Thích	220	88
	Không cần thiết	25	10

bày tại bảng 5 và 6.

Qua bảng 5 tổng kết quá trình học tập môn GDTC của học viên HVANND trong những năm qua cho thấy: Tỷ lệ học viên không đạt yêu cầu vẫn còn khá cao. Thực trạng trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân nhưng cơ bản là do nhận thức của học viên về công tác GDTC và TDDT chưa cao, dẫn đến ý thức kém trong học tập chính khoá và tập luyện ngoại khoá.

Từ kết quả ở bảng 6 cho thấy: Nhìn chung tỷ lệ học viên không đạt tiêu chuẩn RLTT (*một nội dung bắt buộc*) của học viên còn khá cao ở năm học, ở các test kiểm tra số học viên không đạt tiêu chuẩn RLTT chiếm tỷ lệ từ 16.8% đến 48.7 %.

Để làm rõ nguyên nhân ảnh hưởng đến thể lực của học viên HVANND chúng tôi tiến hành phỏng vấn 250 học viên về: động cơ học tập môn thể dục, nhận xét về giờ học chính khoá, số lượng học viên tham gia tập luyện TDDT ngoài giờ học, yếu tố làm hạn chế kết quả học tập TDDT chính khoá, các môn thể thao tự chọn. Kết quả phỏng vấn được chúng tôi trình bày ở bảng 7.

Từ kết quả thu được ở bảng 7 cho thấy: Động cơ tập luyện của học viên chủ yếu là do ham thích thể thao, chiếm 57.2 %. Cũng như nhận thức về vị trí vai trò của giờ học nội khoá là: Cung cấp kiến thức về TDDT 81.3%, trang bị kỹ thuật thể thao chiếm 74.8%, cũng như nâng cao được sức khỏe chiếm 52.4%. Ngược lại có đến 9.4% số học viên được hỏi đánh giá giờ học nội khoá còn khô khan, cứng nhắc, thiếu hấp dẫn kích thích học viên tập luyện, và có đến 93.6% đánh giá giờ học không đủ điều kiện sân bãi dụng cụ đáp ứng tập luyện, học tập.

Hoạt động ngoại khoá, tự tập luyện của học viên thì tỷ lệ học viên được hỏi không tập luyện chiếm 19.6 %, số tập thường xuyên chiếm 49.9%.

Những yếu tố được đánh giá là ảnh hưởng đến tập luyện ngoại khoá, rèn luyện thể lực của học viên là tập luyện không có giáo viên hướng dẫn, không có tổ chức, điều kiện sân bãi chưa đáp ứng và cũng một phần do chương trình học tập nặng nề nên thiếu thời gian.

Nhu cầu tham gia tập luyện dưới các hình thức câu lạc bộ, lớp ngoại khoá có giáo viên hướng dẫn thì được học viên đánh giá rất cao. Số phiếu hỏi có nguyện vọng tham gia chiếm đến 91.1%.

3. KẾT LUẬN

Từ kết quả phân tích trên chúng ta nhận thấy công tác GDTC ở HVANND còn bộc lộ nhiều hạn chế như: Học viên chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của GDTC, kết quả học tập môn GDTC với tỷ lệ học viên không đạt yêu cầu chiếm 25,2%, tỷ lệ

học viên không đạt tiêu chuẩn RLTT (*một nội dung bắt buộc*) của học viên còn khá cao ở năm học, ở các test kiểm tra số học viên không đạt tiêu chuẩn RLTT chiếm tỷ lệ từ 16.8% đến 48.7 %. Số học viên tham gia tập luyện TDDT còn ít, phong trào TDDT còn chưa sôi động, các câu lạc bộ hoạt động còn chưa hiệu quả. Cơ sở vật chất còn thiếu, dụng cụ tập luyện chất lượng còn kém, xuống cấp. Từ thực trạng nêu trên đòi hỏi phải có những biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng công tác GDTC trong HVANND, phù hợp với điều kiện cụ thể của Học viện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2013), Thông tư số 24/2013/TT-BCA ngày 11 tháng 04 năm 2013 quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng CAND
2. Học viện An ninh nhân dân (2017-2018), Kết quả kiểm tra thể lực của học viên theo tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của Bộ Công an.
3. Trịnh Trung Hiếu (2001), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể dục thể thao trong nhà trường*, NXB TDDT, Hà Nội.
4. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp TDDT*, NXB TDDT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích từ đề tài “*Lựa chọn giải pháp nâng cao thể lực cho sinh viên năm thứ nhất Học viện ANND*” luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục, Quách Nguyễn Trung Hiếu, Đại học TDDT Bắc Ninh, 2019.

Ngày nhận bài: 10/9/2022; **Ngày duyệt đăng:** 19/12/2022



Ảnh minh họa (nguồn Internet)